

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày: 07-9-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiên Bộ

2. Ông Bùi Văn Chuyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 805/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị Thanh Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Tô Hồng T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22/5/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày:

Ngày 19 tháng giêng năm 2022 bà cho bà Trần Thị Thanh Đ vay 70.000.000đồng và bà Đ viết giấy mượn tiền giao cho bà. Khi bà cho bà Trần Thị Thanh Đ vay tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng nên hiện nay bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng.

Khi bà cho bà Đ vay 70.000.000đồng thì không có chồng của bà Đ là ông Tô Hồng T và ông T cũng không ký vào giấy mượn tiền nhưng ông T có biết việc bà Đ vay tiền của bà và có lên nhà bà xin trả dần mỗi tháng 20.000.000đồng nhưng không thực hiện. Sau đó, bà có xuống nhà vợ chồng ông T thì ông T xin bà cho vợ chồng ông T trả 40.000.000đồng, còn 30.000.000đồng để cho chị hai của bà Đ là bà Trần Thị Thanh P trả, ông T đã đưa 40.000.000đồng cho bà cầm và bà yêu cầu ông T viết giấy còn nợ bà 30.000.000đồng thì bà Đ gọi điện cho bà P nhưng bà P không đồng ý nên bà Đ lấy tiền lại và bà cũng lấy lại giấy mượn tiền 70.000.000đồng. Sự thật đúng như bà đã trình bày nêu trên nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh để nộp cho Tòa án. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh Đ và ông Tô Hồng T trả cho bà số tiền vay gốc là: 70.000.000đồng và tiền lãi (tính từ ngày 19/02/2022 đến ngày 07/9/2023, lãi suất 2%/tháng) là 26.086.000đồng. Tổng cộng là 96.086.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2023, biên bản đối chất ngày 29/6/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Trần Thị Thanh Đ trình bày:

Trước đây chị có vay tiền của bà Võ Thị D nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu lần, mỗi lần vay bao nhiêu tiền. Mục đích chị vay tiền của bà D là để sử dụng cho mục đích cá nhân, không liên quan gì đến chồng, con của chị và chồng của chị cũng không biết việc chị có vay tiền của bà D. Khi vay tiền của bà D thì hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là vay 10.000.000đồng thì 03 tháng phải trả tiền lãi là 1.000.000đồng. Do chị không có tiền trả tiền lãi và gốc cho bà D nên ngày 19 tháng giêng năm 2022 chị và bà D thống nhất cộng gốc và lãi lại, tổng cộng chị nợ bà D 70.000.000đồng. Vì vậy, ngày 19 tháng giêng năm 2022 chị đã viết giấy mượn tiền cho bà D với số tiền mượn là 70.000.000đồng, các giấy vay tiền trước đó bà D đã xé bỏ. Khi chị viết giấy mượn tiền 70.000.000đồng thì hai bên thống nhất chị không trả lãi nữa nên trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất cho vay. Hiện nay chị không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền 70.000.000đồng mà chị ghi trong giấy mượn tiền ngày 19 tháng giêng năm 2022 là viết cộng gốc và lãi của nhiều khoản vay trước đó. Từ khi viết giấy mượn tiền nêu trên đến nay chị chưa trả cho bà Võ Thị D khoản tiền nào. Khi chị viết giấy mượn tiền nêu trên cho bà Võ Thị D thì có cha mẹ của chị chứng kiến nhưng cha mẹ của chị không liên quan gì đến khoản nợ nêu trên của bà D.

Chị thừa nhận giấy mượn tiền 70.000.000đồng ngày 19 tháng giêng năm 2022 là do chị viết và chị đồng ý cá nhân chị sẽ có trách nhiệm trả số tiền

70.000.000đồng trên cho bà D; chị không đồng ý trả lãi vì hai bên không thỏa thuận trả lãi. Chồng của chị không biết việc chị vay tiền của bà D và chị cũng không sử dụng số tiền vay của bà D cho nhu cầu thiết yếu của gia đình hay để phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán của gia đình nên chồng của chị không có nghĩa vụ cùng với chị trả khoản nợ trên cho bà D. Do hiện nay kinh tế của chị khó khăn nên chị yêu cầu bà D cho chị trả nợ dần đối với số tiền nợ nêu trên.

Tại bản tự khai đề ngày 12/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tô Hồng T trình bày:

Anh không biết và không có liên quan gì đến số tiền mà vợ của anh là Trần Thị Thanh Đ vay của bà Võ Thị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại các điều 70 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D. Buộc chị Trần Thị Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị D số tiền gốc 70.000.000đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D về việc buộc anh Tô Hồng T phải có nghĩa vụ cùng với chị Đ trả khoản nợ trên cho bà D. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Võ Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Thanh Đ, anh Tô Hồng T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị Thanh Đ có nơi cư trú tại Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân

thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tô Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo giấy mượn tiền ngày 19 tháng giêng năm 2022 do nguyên đơn cung cấp, thể hiện: Ngày 19 tháng giêng năm 2022 âm lịch (tức ngày 19/02/2022 dương lịch), chị Trần Thị Thanh Đ có viết giấy vay của bà D 70.000.000đồng. Quá trình làm việc, chị Đ thừa nhận có vay của bà D số tiền nêu trên và đồng ý trả 70.000.000đồng nêu trên cho bà D. Do đó, có căn cứ xác định chị Đ có vay số tiền 70.000.000đồng của bà Võ Thị D và hiện nay còn nợ của bà D 70.000.000đồng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị D cho rằng số tiền 70.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 19 tháng giêng năm 2022 là khoản nợ chung của vợ chồng chị Trần Thị Thanh Đ, anh Tô Hồng T nhưng bà D không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền nêu trên là nợ chung của vợ chồng chị Đ, anh T. Trong giấy mượn tiền ngày 19 tháng giêng năm 2022 chị Đ ghi “*con Trần Thị Thanh Đ có mượn cô D 70.000.000, bảy chục triệu đồng chẵn*”; giấy mượn tiền nêu trên không thể hiện nội dung vợ chồng chị Đ mượn tiền, chồng của chị Đ là anh Tô Hồng T cũng không ký giấy mượn tiền nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Thanh Đ xác định chồng của chị không biết việc chị vay tiền của bà D và chị cũng không sử dụng số tiền vay của bà D cho nhu cầu thiết yếu của gia đình hay để phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán của gia đình; tại bản tự khai đề ngày 12/7/2023, anh Tô Hồng T khẳng định anh không biết và không có liên quan gì đến số tiền mà vợ của anh đã vay của bà Võ Thị D. Do đó, cần xác định số tiền 70.000.000đồng mà chị Đ đã vay của bà Võ Thị D theo giấy mượn tiền ngày 19 tháng giêng năm 2022 là nợ riêng của chị Đ; bà D khởi kiện yêu cầu anh Tô Hồng T cùng với chị Đ trả khoản nợ trên cho bà D là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Mặc dù giấy mượn tiền ngày 19 tháng giêng năm 2022 không ghi cụ thể thời hạn trả nợ, nhưng ngày 28/12/2022, chị Trần Thị Thanh Đ đã viết đơn hẹn trả nợ, trong đó ghi: “*Từ nay đến 15-4 (dương lịch) tôi sẽ trả cho cô D 20 triệu tiền nợ gốc; từ ngày 15-4 đến 15-6 tôi sẽ trả cho cô D 20 triệu; từ 15-6 đến 15-9 tôi sẽ trả cho cô D 20 triệu; từ 15-9 đến hết năm tôi sẽ trả đủ số tiền nợ lại cho cô D*”. Tại phiên tòa, bà D và chị Đ thừa nhận đơn hẹn trả nợ ngày 28/12/2022 là hẹn trả trong năm 2023 nhưng đến nay chị Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D.

[2.4] Việc chị Trần Thị Thanh Đ không trả đầy đủ khoản nợ cho bà Trần Thị Diệp khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Võ Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho bà D 70.000.000đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Đối với tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị D cho rằng khi vay tiền thì hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 2%/tháng nên bà D yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Thanh Đ trả tiền lãi theo mức lãi suất 2%/tháng, tính từ ngày 19/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023) là 26.086.000đồng. Việc bà D khai hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 2%/tháng không được chị Đ thừa nhận, trong giấy mượn tiền ngày 19 tháng giêng năm 2022 không thể hiện các bên có thỏa thuận về việc trả lãi và bà D cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng. Do đó, bà D yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Thanh Đ trả lãi theo mức lãi suất 2%/tháng, tính từ ngày 19/02/2022 đến ngày 07/9/2023 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Tuy nhiên, tại đơn hẹn trả nợ ngày 28/12/2022 chị Đ hẹn đến ngày 15/4/2023 sẽ trả 20.000.000đồng cho bà D, từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/6/2023 sẽ trả cho bà D 20.000.000đồng; từ ngày 16/6/2023 đến ngày 15/9/2023 sẽ trả cho bà D 20.000.000đồng và từ ngày 15/9/2023 đến hết năm sẽ trả đủ số tiền nợ lại cho bà D. Do đó, từ khi phát sinh đơn hẹn trả nợ ngày 28/12/2022 thì giữa bà D và chị Đ đã có thỏa thuận về thời hạn trả nợ như đã nêu trên. Tuy nhiên, đến nay chị Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà Võ Thị D, buộc chị Trần Thị Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị D khoản tiền lãi tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023), theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau: $(70.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng) \times 4\text{ tháng} = 2.769.000\text{đồng}$.

[2.7] Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà chị Trần Thị Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị D là: $70.000.000\text{đồng} + 2.769.000\text{đồng} = 72.769.000\text{đồng}$.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D được Tòa án chấp nhận với số tiền là 72.769.000đồng nên chị Trần Thị Thanh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $72.769.000\text{đồng} \times 5\% = 3.638.000\text{đồng}$.

Nguyên đơn bà Võ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền lãi bà D yêu cầu nhưng không được Tòa án chấp nhận là: $23.317.000\text{đồng} \times 5\% = 1.166.000\text{đồng}$. Số tiền án phí bà D phải chịu sẽ được khấu trừ vào số tiền

2.275.000đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị D số tiền 1.109.000đồng.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D.

2. Buộc chị Trần Thị Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị D số tiền 72.769.000đồng, trong đó: Nợ gốc là 70.000.000đồng; nợ lãi chậm trả là 2.769.000đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Thanh Đ phải chịu 3.638.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà phải Võ Thị D chịu 1.166.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.275.000đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005609 ngày 29/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị D số tiền 1.109.000đồng.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong